TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST Ngày 09-10-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1279/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1386/2018/QĐTS-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện A, Hải Phòng, hiện trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Tiến M, trú tại: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến M xây dựng hạnh phúc với

nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh M thôn A, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vợ chồng chung sống có 02 con chung. Quá trình chung sống nhiều năm không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Anh M chơi bời, không quan tâm đến vợ con, sống không tôn trọng nhau, vợ chồng không thống nhất với nhau trong mọi lĩnh vực nên nhiều lần xảy ra đánh chửi nhau và đã được hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Quốc Tuấn ở từ tháng 5 năm 2018 và sống ly thân với anh M, hai bên không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tiến M.

Về con chung: Chị và anh Phạm Tiến M có 02 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Phạm Văn H', sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Vũ Thị T trình bày chị và anh M không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Phạm Tiến M thể hiện: Anh thống nhất với lời khai chị Vũ Thị T về thời gian và điều kiện kết hôn vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ kinh tế vợ chồng khó khăn, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau. Chị T sống không tôn trọng anh, không có tình cảm với gia đình anh nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau trong lúc nóng giận anh có đánh chị T, chị T nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, có lần đi 2 đến 3 tháng lại quay về, vì con chung anh chấp nhận nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh M thống nhất với ý kiến của chị T về việc vợ chồng có 02 con chung và họ, tên, tuổi các con như chị T trình bày. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con Phạm Văn H', sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 và nhường chị T nuôi con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ: Anh M trình bày anh tự thỏa thuận với chị T, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Vũ Thị T có đơn xin ly hôn, bị đơn anh Phạm Tiến M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Vũ Thị T đã thực hiện đúng các quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Tiến M không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến M; về con chung: Giao con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Phạm Văn H', sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Phạm Tiến M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Tiến M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Tiến M xây dựng hạnh phúc với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, không thống nhất với nhau về kinh tế, anh M chơi bời việc quan tâm chăm sóc gia đình chưa chu đáo, vợ chồng không chia sẻ thông cảm với nhau nên nhiều lần xảy ra cãi vã, đánh nhau. Chị T nhiều lần bỏ nhà đi nhưng vì con chị lại quay về chung sống với anh M. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, đến tháng 5 năm 2018 chị T đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Quốc Tuấn và sống ly thân với anh M từ đó đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu xác minh cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Tiến M có 02 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Phạm Văn H', sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con. Lời khai của anh M anh đề nghị được nuôi con Phạm Văn H', anh nhường chị T nuôi con Phạm Thị Thu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa anh M vắng mặt nên không biết ý kiến của anh như thế nào về việc con chung. Xét điều kiện của chị T hiện nay có việc làm ổn định, có thu nhập và có nơi ở đảm bảo việc nuôi các con, hai cháu H và cháu Huy trên 7 tuổi đều có đơn xin được ở với chị T. Hội đồng xét xử giao cho chị Vũ Thị T nuôi 02 con Phạm Thị Thu H và Phạm Văn H', chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến M.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thị Thu H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Phạm Văn H', sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Tiến M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016857 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Tiến M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn